TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/8/2024
"V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Tân**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Bình**
2. Ông **Võ Văn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Luông** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1991.
Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.
2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy P**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: ấp 2, xã A, huyện C, tỉnh T.

(Chị D xin vắng mặt, anh P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P bạo hành chị nhiều lần cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn P Uyên sinh ngày 04/4/2011 và Nguyễn Duy Phát sinh ngày 17/10/2016 hiện đang sống với cha. Khi ly hôn chị đồng ý giao 02 con cho anh P nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

2.000.000đồng/con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu giải Tòa giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Duy P đã được tống đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Duy P dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc D và anh Nguyễn Duy P tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống chị D xác định vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh P bạo hành chị nhiều lần cuộc sống chung không hạnh phúc và chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Đối với anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về việc chị D xin ly hôn chứng tỏ anh không còn quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị D được ly hôn với anh P là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: anh chị có 02 con chung tên Nguyễn P Uyên sinh ngày 04/4/2011 và Nguyễn Duy Phát sinh ngày 17/10/2016 hiện đang sống với cha. Khi ly hôn chị D đồng ý giao 02 con cho anh P nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/con. Xét thấy, con chung hiện đang được anh P nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng/con phù hợp với quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Duy P.

2. Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn P Uyên sinh ngày 04/4/2011 và Nguyễn Duy Phát sinh ngày 17/10/2016 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đồng/con. Thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi anh P có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị D chậm thi hành việc cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015121 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên còn phải nộp tiếp 300.000đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Tân